

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẠ LANG
CAO BẰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2017/HNGĐ-ST

Ngày 01-8-2017

V/v: Xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ LANG - CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Kim Huân.
2. Ông Đàm Thanh Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà La Thị Hằng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hạ Lang, Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Lang tham gia phiên tòa: Ông Thẩm Minh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2017, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hạ Lang, Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2017/TLST-HNGĐ ngày 30/5/2017 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 410/2017/QĐXXDS - ST ngày 11 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Đàm Thị H.

Nơi cư trú: Xóm N, xã V, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

2. Bị đơn: Trịnh Văn Ch.

Nơi cư trú: Xóm S, xã A, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 25/5/2017 và quá trình tố tụng, nguyên đơn Đàm Thị H trình bày: Giữa chị và anh Trịnh Văn Ch đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện H, tỉnh Cao Bằng ngày 01/02/2012, việc đăng ký kết hôn là tự nguyện. Sau kết hôn vợ chồng vẫn sống hạnh phúc, đến tháng 7 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Ch nghiện ngập, không chịu làm ăn, không quan tâm đến vợ con. Vì vậy hai người đã sống ly thân từ cuối năm 2015 đến nay. Chị H xác định tình giữa hai vợ chồng không còn, nên đề nghị được ly hôn anh Ch. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung, tên Trịnh Ngọc

Kh, sinh ngày 05/11/2011 đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con. Các vấn đề khác không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn Trịnh Văn Ch đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến Tòa án để cung cấp chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Ch không có mặt. Tòa án đã tiến hành xác minh và xác định được, anh Ch hiện có mặt tại địa phương, biết việc chị H xin ly hôn anh tại Tòa án. Đồng thời hiện nay Ch là đối tượng nghi ngại của địa phương, không có công việc ổn định. Tại bản tự khai gửi Tòa án, anh Ch nhất trí ly hôn với chị H, sau khi ly hôn anh đề nghị được nuôi con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng.

Tại phiên tòa:

- Chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn, nuôi con chung và không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con. Các vấn đề khác không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và nguyên đơn đều tuân theo và chấp hành đúng pháp luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án là vi phạm khoản 15,16 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Tuy nhiên, Tòa án gửi thông báo thụ lý vụ án cho Viện kiểm sát chậm 03 ngày, vi phạm Điều 196 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử cho chị H được ly hôn anh Ch. Giao con chung cho chị H chăm sóc, giáo dục và không đặt vấn đề cấp dưỡng đối với anh Ch, sau này nếu chị H, anh Ch có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn Trịnh Văn Ch đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình không tham gia phiên hòa giải. Căn cứ khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, đây thuộc trường hợp vụ án dân sự không tiến hành hòa giải được. Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 26/7/2017, sau đó Hội đồng xét xử ra Quyết định hoãn phiên tòa do anh Ch vắng mặt không lý do, phiên tòa được mở lại vào ngày 01/8/2017. Mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ cả hai lần và niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân xã, nhưng bị đơn vẫn cố tình trốn tránh không có mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đàm Thị H và anh Trịnh Văn Ch đăng ký kết hôn ngày 01/02/2012 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Việc đăng ký kết hôn là tự nguyện. Như vậy, việc kết hôn giữa chị H và anh Ch là hợp pháp và quan hệ vợ chồng được công nhận từ ngày đi đăng ký kết hôn.

Sau kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, đến tháng 7 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh không chịu tu chí làm ăn, không quan tâm đến vợ con, hiện nay Chanh đang là đối tượng nghi ngại ở địa phương. Vì vậy hai người đã sống ly thân từ cuối năm 2015 đến nay.

Từ những phân tích, nhận định trên đây, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh Ch đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích

của hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị H và đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, nên cần được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3]. Về con chung: Chị H yêu cầu được nuôi con chung, tên Trịnh Ngọc Kh, sinh ngày 05/11/2011 và không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy chị H là Giáo viên, trong khi anh Ch là đối tượng nghi nghiện ma túy ở địa phương, không có công việc ổn định, nên chị H là người có điều kiện nuôi con hơn, việc chị không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng là tự nguyện. Do đó, yêu cầu của chị H và Kiểm sát viên là có căn cứ để chấp nhận.

[4]. Về tài sản chung và các khoản nợ: Không có tài liệu chứng minh chị H, anh Ch có tài sản chung và các khoản nợ. Mặt khác chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân gia đình 2014;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đàm Thị H được ly hôn anh Trịnh Văn Ch.
2. Về con chung: Giao con chung tên Trịnh Ngọc Kh, sinh ngày 05/11/2011 cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Không đặt vấn đề cấp dưỡng đối với anh Ch.

Sau khi ly hôn, anh Ch có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung và các khoản nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự, chị H và anh Ch vẫn có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng và xem xét vấn đề tài sản chung, các khoản nợ bằng một vụ án khác theo quy định.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng chẵn) để sung quỹ Nhà nước, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ do Chi cục thi hành án dân sự huyện Hạ Lang thu.

5. Về quyền kháng cáo: Chị H có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Ch có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt Bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TA tỉnh;
- VKS huyện;
- Chi cục THA dân sự;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nông Văn Tùng